TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **80** /2023/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày: 19/9/1985 – HKTT: Tổ 25B (nay là tổ 92 mới) phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: H22/02 kiệt 91 L, tổ 88 phường T, quận S, Đà Nẵng.

Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh ngày: 10/11/1995 – HKTT: Tổ 25B (nay là tổ 92 mới) phường T, quận S, Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01 ngày 19/8/2014. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn T xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại tổ 92 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống không hợp với nhau, không có chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm thường xuyên cãi vã, xung đột, hạnh phúc rạn nứt không thể hàn gắn. Mâu thuẫn ngày càng lớn, cả hai đã tìm biện pháp khắc phục cũng không đem lại kết quả gì. Từ tháng 7/2019 cả hai sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà T, ông T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà T, ông T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn T xác định có 02 con là Nguyễn Ngọc Bảo N – sinh ngày 28/12/2014 và Nguyễn Hoàng Gia A – sinh ngày: 15/7/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (tương đương 1.500.000 đồng/ 1 con) vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 5/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: bà T, ông T xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: bà T, ông T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T và ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông

bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003634 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 19/8/2014 do UBND phường T, quận S, Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông T xác định có 02 con là Nguyễn Ngọc Bảo N – sinh ngày 28/12/2014 và Nguyễn Hoàng Gia A – sinh ngày: 15/7/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (tương đương 1.500.000 đồng/ 1 con) vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 5/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: bà T, ông T xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Các vấn đề khác: Bà T, ông T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, Bà T và ông T mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003634 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường T, quận S, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh